| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ THUẬN AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2017
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Luật

2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

*Thư ký phiên toà:* Ông Bùi Công Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1168/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Ng Th Ng T, sinh năm 1992; địa chỉ: 08 Tổ 1, Ấp 1, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Đ Ph Th, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp 1, xã Nhị B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số 3, khu phố Bình Phước B, phường Ch, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ng Th Ng T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th Ng T và ông Đ Ph Th tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai vào ngày 31/8/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015, quyển số 01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính

tình không hòa hợp; không thống nhất được với nhau trong vấn đề làm ăn kinh tế; vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai; bà không còn tình cảm thương yêu ông Th. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đ Ng Th Tr, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2015. Thời gian vợ chồng sống ly thân bà là người trực tiếp nuôi con. Nay, vợ chồng ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, các lời khai bị đơn ông Đ Ph Th trình bày:* Ông Th thống nhất lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung. Riêng về mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp; bà T lười biếng không chịu làm công việc gia đình nên bị ông và mẹ ông nhắc nhở nhiều lần thì bà T bỏ nhà ra đi. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau nữa. Tuy nhiên, ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T và thương con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đ Ng Th Tr, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2015. Thời gian vợ chồng sống ly thân bà T là người trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, trường hợp vợ chồng ly hôn, ông Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Ông Thi không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trịnh tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T khởi kiện ông Th yêu cầu ly hôn, ông Th hiện đang tạm trú tại địa chỉ số 3, khu phố Bình Phước B, phường Ch, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm

quyền.

Bị đơn ông Đ Ph Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng ông Th vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th Ng T và ông Đ Ph Th tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai vào ngày 31 tháng 8 năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015, Quyển số 01/2015, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do tính tình không hòa hợp; đã sống ly thân hơn 01 năm nay; mỗi người có một cuộc sống riêng nên bà yêu được ly hôn với ông Th. Ông Th thì cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bà T lười biếng; tính tình không hòa hợp và không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Tuy nhiên, do còn thương yêu vợ con nên ông Th không đồng ý lý hôn. Kết quả xác minh tại khu phố Bình Phước B, phường Ch xác định "…bà T, ông Th có xảy ra chửi nhau, sau đó bà T chuyển đi nơi khác sinh sống…". Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông Th là có thật.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà T, ông Th đã sống ly thân một thời gian dài và không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa; đồng thời tại phiên tòa hôm nay bà T xác định không còn tình cảm với ông Th, nếu Tòa án không giải quyết cho ly hôn thì bà cũng không trở về đoàn tụ với ông Th nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà T, ông Th thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đ Ng Th Tr, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2015 và từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Tr sống với mẹ. Nay, bà T yêu cầu giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng yêu cầu của bà T không được ông Th đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu Tr còn quá nhỏ, dưới 36 tháng tuổi lại là con gái nên rất cần có sự quan tâm chăm sóc của một người mẹ. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Tr sống với mẹ, bà T có công việc buôn bán tạp hóa tại nhà và có thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi con. Do đó, bà T yêu cầu giao cháu Tr cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng Th Ng T với bị đơn ông Đ Ph Th về tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th Ng T được ly hôn với ông Đ Ph Th.

- Về con chung: Giao cháu Đ Ng Th Tr, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2015 cho bà Ng Th Ng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng Th Ng T về việc không yêu cầu ông Đ Ph Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ng Th Ng T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0017798 ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Bạch Tuyết**